TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Viết Xuân
Bà Nguyễn Thị Thiên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Huấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc: Ly hôn. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị P, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn N, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Tạm trú tại: Thôn Y, xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nông Thị P trình bầy: Tôi và anh N kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 21/10/2013 tại UBND xã G, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến tháng 5/2014 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do hoàn cảnh vợ chồng quan điểm sống bất đồng từ đó dẫn đến vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không ai quan

tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

* Về con chung: Có 02 cháu: Vi Văn M, sinh ngày 15/7/2010; Vi Thị T, sinh ngày 06/11/2012. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Qua xác minh tại thôn thì hiện nay hộ khẩu anh N tại thôn X, xã T, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và anh N hiện tạm trú tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn Y, xã G, huyện Văn Yên. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho anh N, ông Đặng Văn T là trưởng thôn Y, xã G đã nhận các giấy tờ của Tòa án và đã thông báo nội dung trong các giấy tờ của Tòa án cho anh N biết. Do anh N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn anh N. Căn cứ điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu M và T cho chị P nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị P và anh Vi Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện Văn

Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 21/10/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 5/2014 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do hoàn cảnh vợ chồng quan điểm sống bất đồng từ đó dẫn đến vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau.Trong thời gian anh chị sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị P xin ly hôn anh N là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bầy của đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định chị P và anh N mâu thuẫn có xảy ra và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị P được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Vi Văn M, sinh ngày 15/7/2010; Vi Thị T, sinh ngày 06/11/2012. Khi ly hôn chị P nhận nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị P. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho hai cháu được ổn định và theo nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Do vậy cần giao hai cháu M và T cho chị P nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào điều 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nông Thị P được ly hôn anh Vi Văn N.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu Vi Văn M, sinh ngày 15/7/2010; Vi Thị T, sinh ngày 06/11/2012 cho chị Nông Thị P trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không

phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chị P phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04638 ngày 28/11/2017 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu HS-TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng